

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án giao khoán quản lý, bảo vệ rừng
cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư để
thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2284/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Triển khai Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2012 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 07/TTr-SNN ngày 17 tháng 01 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Phương án giao khoán quản lý, bảo vệ rừng ổn định lâu dài cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư (sau đây gọi tắt là bên nhận khoán) để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Tên phương án: Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng ổn định lâu dài cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Quy mô, địa điểm thực hiện phương án:

- Quy mô phương án: 24.433,30 ha;

- Địa điểm thực hiện: Trên diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) của 6 đơn vị, trong đó:

+ Ban quản lý rừng Đặc dụng cảnh quan Dray sáp 1.125,71 ha tại các tiểu khu 1244, 1246, 1247, 1251;

+ Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên: 5.614,85 ha, tại các tiểu khu 1586, 1587, 1594, 1599, 1600, 1601, 1602, 1603, 1605;

+ Ban quản lý rừng phòng hộ Thác Mơ: 3.894,78 ha, tại các tiểu khu 1441, 1444, 1446, 1447, 1454;

+ Ban quản lý rừng phòng hộ Vành Đai Biên Giới: 1.840,79 ha, tại các tiểu khu 1108, 1116, 1439, 1442, 1443, 1449, 1457;

+ Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung: 5.987,17 ha, tại các tiểu khu 1294, 1302, 1303, 1307, 1309, 1313, 1314, 1315, 1316, 1321, 1323;

+ Khu Bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng: 5.970 ha, tại các tiểu khu 1757 1772, 1781, 1787, 1793, 1794, 1795, 1801, 1803, 1805, 1806, 1807, 1808, 1809, 1810, 1811, 1813, 1814.

3. Các nội dung chủ yếu của phương án giao khoán:

3.1. Mục tiêu phương án:

- Nhằm xã hội hoá công tác quản lý bảo vệ rừng, nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư sống gần rừng;

- Bảo toàn và phát triển diện tích, chất lượng rừng được giao quản lý, đảm bảo quản lý và sử dụng theo đúng quy hoạch, kế hoạch của nhà nước; nâng cao khả năng cung ứng DVMTR; phát huy vai trò lợi thế của từng loại rừng, trên cơ sở bảo tồn, sử dụng, cung cấp các dịch vụ và phát triển rừng bền vững; duy trì các giá trị đa dạng sinh học của rừng góp phần tích cực bảo vệ môi trường và thích ứng, giảm thiểu biến đổi khí hậu.

- Tạo thêm việc làm, nâng cao đời sống, tăng thu nhập cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và lực lượng bộ đội biên phòng sống gần rừng, góp phần xoá đói, giảm nghèo, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa tỉnh.

3.2. Đối tượng, hạn mức, thời gian nhận khoán bảo vệ rừng:

- Đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng

+ Nhóm hộ, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sống tại chỗ thuộc những xã có rừng;

+ Nhóm hộ, hộ gia đình, cá nhân đã gắn bó lâu đời với những khu rừng cụ thể ở địa phương, được cộng đồng dân cư ở đó thừa nhận;

+ Đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân ở gần rừng và trong rừng;

+ Các tổ chức khác;

+ Ưu tiên khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có rừng, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi theo tiêu chí Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Hạn mức diện tích rừng nhận khoán bảo vệ rừng: Tối đa là 30 héc-ta (ha) một hộ gia đình.

- Thời gian giao khoán: Ít nhất là 5 năm, khi hết thời hạn nhận khoán, nếu bên nhận khoán có nhu cầu tiếp tục bảo vệ rừng và trong quá trình thực hiện nhận khoán không vi phạm hợp đồng khoán bảo vệ rừng, chấp hành đúng pháp luật về đất đai, pháp luật bảo vệ và phát triển rừng thì chủ rừng được xem xét tiếp tục giao khoán bảo vệ rừng. Trường hợp hộ nhận khoán thiếu trách nhiệm, vi phạm hợp đồng khoán bảo vệ rừng đã ký kết thì tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

3.3. Quyền lợi và trách nhiệm của bên giao khoán và bên nhận khoán:

a) Bên giao khoán

- Quyền hạn

+ Kiểm tra, hướng dẫn và yêu cầu bên nhận khoán khắc phục những sai sót kỹ thuật bảo vệ rừng khi thực hiện hợp đồng; đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng nếu bên nhận khoán vi phạm hợp đồng.

+ Yêu cầu bên nhận khoán bồi thường thiệt hại nếu bên nhận khoán vi phạm hợp đồng.

- Trách nhiệm

+ Xác định rõ cho bên nhận khoán biết về diện tích, loại rừng, trữ lượng, vị trí ranh giới trên bản đồ và ngoài thực địa đối với khu rừng được giao khoán bảo vệ.

+ Hướng dẫn cho bên nhận khoán tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ rừng theo quy chế quản lý rừng; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các chính sách hưởng lợi từ rừng theo các quy định hiện hành.

+ Thanh toán đầy đủ, đúng hạn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên nhận khoán theo hợp đồng và biên bản nghiệm thu cho bên nhận khoán;

+ Hàng năm, bên giao khoán có trách nhiệm nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng đối với bên nhận khoán theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BNN ngày 24/01/2005 và Quyết định số 59/2007/QĐ-BNN ngày 19/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Kết quả nghiệm thu hàng năm là căn cứ để bên giao khoán thanh toán, quyết toán kinh phí.

+ Nếu bên giao khoán vi phạm hợp đồng sẽ bị xử lý và bồi thường cho bên nhận khoán theo quy định của pháp luật.

b) Bên nhận khoán

- Quyền lợi

+ Được thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền công khoán bảo vệ rừng hàng năm (bao gồm tiền chi trả DVMTR và các nguồn kinh phí được hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật) (nếu có) sau khi nghiệm thu kết quả mức khoán và được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thanh toán tiền chi trả DVMTR trong năm. Mức chi trả tiền DVMTR là 90% tiền DVMTR chi trả cho diện tích rừng giao khoán (bao gồm cả các khoản lãi phát sinh tiền DVMTR chi trả cho diện tích rừng giao khoán này).

+ Được quyền hưởng lợi các sản phẩm từ rừng theo quy định hiện hành của pháp luật;

+ Khi thời gian nhận khoán bảo vệ rừng theo hợp đồng đã ký kết chưa kết thúc, vì trường hợp bất khả kháng bên nhận khoán không tiếp tục bảo vệ rừng nữa thì thông báo lại cho bên giao khoán chấp dứt hợp đồng và được thanh toán tiền trong thời gian đã thực hiện;

+ Được hướng dẫn, tham gia tập huấn về công tác bảo vệ rừng do bên giao khoán tổ chức.

- Nghĩa vụ

+ Chịu trách nhiệm trước bên giao khoán về vốn rừng được giao khoán, bảo toàn vốn rừng và phát triển rừng bền vững;

+ Chấp hành các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng. Khi xảy ra cháy rừng phải tổ chức cứu chữa kịp thời và thông báo ngay cho bên giao khoán và chính quyền địa phương biết để huy động lực lượng chữa cháy.

+ Thực hiện đúng nội quy, quy trình quy phạm kỹ thuật bảo vệ đã được bên giao khoán hướng dẫn;

+ Phải thường xuyên tuân tra, kiểm tra ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng như chặt phá rừng, đốt than, phá rừng làm nương rẫy, lấn chiếm rừng, săn bắt động vật rừng trái phép...;

+ Nếu bên nhận khoán vi phạm hợp đồng sẽ phải bồi thường cho bên giao khoán theo quy định của pháp luật.

3.4. Thành phần hồ sơ khoán bảo vệ rừng:

- Quyết định giao kế hoạch, dự toán thu chi tiền chi trả DVMTR.

- Đơn đề nghị nhận khoán bảo vệ rừng của bên nhận khoán có xác nhận của UBND cấp xã.

- Hợp đồng khoán bảo vệ rừng giữa bên giao khoán và bên nhận khoán lập ký có xác nhận của UBND cấp xã.

- Trích lục bản đồ khu vực giao khoán (tỷ lệ 1/10.000).

- Biên bản giao, nhận rừng.

3.5. Tiến độ thực hiện:

- Quý I/2017: Hoàn thành việc xây dựng phương án khoán bảo vệ rừng, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt.

- Quý II/2017: Tổ chức thực hiện bàn giao diện tích rừng cho bên nhận khoán; lập biên bản giao, nhận rừng với bên nhận khoán.

3.6. Kinh phí thực hiện:

- Kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng: Từ 10% tiền chi trả DVMTR chủ rừng nhận được chi trả cho diện tích khoán bảo vệ rừng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của chủ rừng.

- Kinh phí chi trả cho bên nhận khoán: Từ 90% tiền chi trả DVMTR chủ rừng nhận được chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

3.7. Các giải pháp chủ yếu thực hiện phương án giao khoán:

a) Giải pháp về tổ chức, quản lý

- Bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ các đơn vị chủ rừng đáp ứng được nhiệm vụ, cũng như phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện phương án giao khoán bảo vệ rừng.

- Chủ rừng có diện tích rừng giao khoán, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các già làng, trưởng thôn, buôn, bon, ban lãnh đạo thôn để phổ biến các nội dung liên quan đến giao khoán bảo vệ rừng, đặc biệt là về quyền lợi và nghĩa vụ của bên giao khoán và bên nhận khoán, tuyên truyền về Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, các quy định, quyết định có liên quan đến quản lý, bảo vệ rừng để người dân thực hiện theo đúng pháp luật cũng như việc lựa chọn các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư thực sự có nhu cầu nhận khoán bảo vệ rừng.

- Lựa chọn đúng đối tượng, sàng lọc kỹ các đối tượng tham gia nhận khoán theo quy định, ưu tiên cho các hộ gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc tại chỗ hoặc người kinh nghèo tại địa bàn xã có rừng; đồng thời cần đảm bảo tính công bằng trong việc lựa chọn đối tượng nhận khoán, quy mô và vị trí giữa các hộ nhận khoán.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát đối tượng nhận khoán thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng; hỗ trợ bên nhận khoán về tập huấn xử lý các đối tượng vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

- Công khai danh sách các đối tượng nhận khoán, diện tích nhận khoán, số tiền chi trả DVMTR và các nguồn kinh phí hỗ trợ khác cho bên nhận khoán tại trụ sở UBND xã có diện tích rừng khoán bảo vệ rừng.

- Phối hợp tốt với hạt kiểm lâm sở tại và các cơ quan chức năng để điều tra làm rõ, xử lý các đối tượng phá rừng trên diện tích rừng đã giao khoán.

- Chi trả kịp thời tiền công bảo vệ rừng cho bên nhận khoán.

- Thường xuyên tổ chức các buổi sơ kết, tổng kết tại các cộng đồng tham gia nhận khoán để đánh giá việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao khoán bảo vệ rừng.

- Xây dựng quy ước, hương ước trong thôn, buôn, bon, xã liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng.

b) Giải pháp về chính sách

- Thực hiện việc khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư thôn để họ yên tâm tham gia công tác bảo vệ rừng nhận khoán.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng đặc biệt: Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 9/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020.

- Thực hiện tốt công tác hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng đảm bảo ngày công cho các đối tượng tham gia nhận khoán; hỗ trợ bảo hộ lao động cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng.

c) Giải pháp kỹ thuật và chuyên gia

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn cho các chủ rừng để từng bước tự tổ chức giám sát và thực hiện phương án khoán bảo vệ rừng tại cơ sở.

- Mở lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho bên nhận khoán liên quan đến lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cũng như việc xử lý các hành vi vi phạm lâm luật.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư thôn về chính sách chi trả DVMTR, đặc biệt là cơ chế hưởng lợi khi tham gia nhận khoán bảo vệ rừng.

- Ứng dụng công nghệ tin học, GIS, viễn thám vào công tác quản lý, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng đối với diện tích rừng khoán bảo vệ rừng.

d) Giải pháp về vốn và nguồn vốn

- Kịp thời tạm ứng, thanh toán tiền chi trả DVMTR cho các đơn vị chủ rừng để chi trả cho các bên nhận khoán bảo vệ rừng.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn chi trả DVMTR chi trả cho diện tích rừng giao khoán, các nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình, dự án, các hoạt động phi dự án hỗ trợ cho công tác khoán bảo vệ rừng.

- Huy động tối đa, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án; các nguồn vốn tài trợ, viện trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước vào thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng.

- Hàng năm, căn cứ nguồn kinh phí dự phòng từ nguồn tiền DVMTR và các nguồn tài chính hợp pháp khác cân đối hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư thôn tham gia nhận khoán bảo vệ rừng, đảm bảo mức thu năm sau cao hơn năm trước trên cùng một đơn vị diện tích nhận khoán.

3.8. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt Phương án giao khoán bảo vệ rừng ổn định, lâu dài cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016 - 2020.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các chủ rừng nhà nước lập phương án giao khoán BVR và thực hiện giao khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài để thực hiện chính sách chi trả DVMTR; tổ chức thẩm định, phê duyệt phương án giao khoán bảo vệ rừng tại các đơn vị chủ rừng.

- Kịp thời thẩm định kế hoạch thu chi tiền DVMTR của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn chủ rừng lập bản cam kết bảo vệ rừng cung ứng DVMTR và ký cam kết theo quy định.

- Tổ chức nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng cung ứng DVMTR, phúc tra kết quả nghiệm thu giao khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có giao khoán bảo vệ rừng làm cơ sở thanh toán tiền DVMTR cho các chủ rừng.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác giao khoán bảo vệ rừng tại các đơn vị chủ rừng theo quy định.

b) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh

- Lập kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch thu chi tiền DVMTR hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở thanh toán tiền chi trả DVMTR cho các đơn vị chủ rừng;

- Kịp thời tạm ứng, thanh toán tiền chi trả DVMTR cho các chủ rừng, đặc biệt các đơn vị chủ rừng có giao khoán bảo vệ rừng.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình chi trả tiền DVMTR cho bên nhận khoán bảo vệ rừng tại các đơn vị chủ rừng.

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện công khai tài chính theo quy định; thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi trả DVMTR đối với các chủ rừng.

- Hàng năm, căn cứ nguồn kinh phí dự phòng tiền chi trả DVMTR tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình UBND phê duyệt phương án hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng cho bên nhận khoán theo quy định.

c) Chủ rừng là tổ chức Nhà nước

- Rà soát, xây dựng phương án giao khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài thuộc lâm phần mình quản lý để thực hiện chính sách chi trả DVMTR trên cơ sở phương án giao khoán bảo vệ rừng tỉnh;

- Tổ chức hội nghị triển khai công tác giao khoán bảo vệ rừng trên địa bàn các xã có rừng cung ứng DVMTR;

- Xây dựng kế hoạch rà soát phương án, rà soát, thống kê danh sách các đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng;

- Lập bản cam kết bảo vệ rừng cung ứng DVMTR theo quy định;

- Lập phương án tự quản lý bảo vệ rừng trên phần diện tích không giao khoán;

- Lập kế hoạch thu, chi tiền DVMTR hàng năm của đơn vị chủ rừng;

- Tổ chức việc ký kết hợp đồng khoán bảo vệ rừng, giao rừng cho bên nhận khoán bảo vệ rừng;

- Xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch tập huấn để tổ chức tập huấn nghiệp vụ bảo vệ rừng cho bên nhận khoán;

- Tổ chức nghiệm thu cơ sở, thực hiện kiểm tra giám sát đối với diện tích đã giao khoán bảo vệ rừng theo quy định của chính sách chi trả DVMTR; tổng hợp, báo định kỳ, hàng năm.

d) UBND các huyện, thị xã (UBND cấp huyện)

- Chỉ đạo UBND các xã tổ chức hội nghị triển khai đến cán bộ chủ chốt cấp xã, thôn, buôn, bon; đồng thời chỉ đạo UBND các xã tổ chức tuyên truyền sâu rộng chủ trương giao khoán bảo vệ rừng để thực hiện Chính sách chi trả DVMTR đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã; chỉ đạo UBND các xã tiến hành rà soát các

đối tượng ưu tiên, nhu cầu nhận khoán bảo vệ rừng của các xã có rừng cung ứng DVMTR.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã)

+ Phối hợp với chủ rừng tổ chức hội nghị triển khai công tác giao khoán bảo vệ rừng trên địa bàn các xã; tổ chức xây dựng phương án giao khoán bảo vệ rừng trên địa bàn xã.

+ Xác nhận trong Hợp đồng khoán bảo vệ rừng theo quy định của chính sách chi trả DVMTR.

(Chi tiết theo Phương án giao khoán quản lý bảo vệ rừng ổn định lâu dài cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hộ gia đình cộng đồng dân cư để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đính kèm)

Điều 2:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Phương án giao khoán quản lý bảo vệ rừng ổn định lâu dài cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hộ gia đình cộng đồng dân cư để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nêu tại Điều 1 của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của phương án đã thẩm định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch, Giám đốc các đơn vị chủ rừng có giao khoán bảo vệ rừng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *Pha*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh ;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NN(Hu). *12*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng